

PHÂN TÍCH ‘KHÍ’ (TENOR) TRONG HỘI THOẠI GIỮA CÁC NHÂN VẬT NHÍ Ở BẢN DỊCH VIỆT - ANH ‘TICKET TO CHILDHOOD’ (‘CHO TÔI XIN MỘT VÉ ĐI TUỔI THƠ’)

Nguyễn Thị Hồng Hà¹
Email: nhha@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.633

Tóm tắt: Theo ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday (2004), ngữ vực (Register) bao gồm 3 thành tố là ‘Nghĩa’ (Field), ‘Khí’ (Tenor) và ‘Phương thức’ (Mode). Bài báo này nhằm đánh giá tương đương dịch thuật về ‘Khí’, cụ thể là thái độ của các nhân vật nhí trong hội thoại ở bản dịch Việt - Anh ‘Ticket to childhood’ (‘Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ’) qua việc phân tích lời thoại của họ. Phương pháp sử dụng là kết hợp đường hướng định lượng và định tính, so sánh và đối chiếu để đánh giá tương đương dịch thuật của bản dịch tiếng Anh với bản gốc tiếng Việt. Kết quả cho thấy ở bản gốc, lời nói ở hành vi mệnh lệnh chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là hành vi cảm xúc. Trong số các câu thoại ở bản dịch, thì tỷ lệ chưa đạt tương đương trọn vẹn về ‘Khí’ chiếm khá cao bởi chúng chưa diễn tả được hết các cung bậc cảm xúc của nhân vật, phần nào mất đi yếu tố kịch tính, giảm tính hấp dẫn trong hội thoại ở bản gốc. Bởi vậy, khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, dịch giả cần chú trọng hơn nữa tới thái độ của nhân vật qua việc sử dụng các từ khẩu ngữ, tiếng lóng, từ phủ định, tính từ láy, trạng từ chỉ mức độ cao, và động từ mạnh.

Từ khóa: bản dịch Việt - Anh, hội thoại, nhân vật nhí, ‘Khí’, phân tích

I. Đặt vấn đề

Hội thoại (conversation, dialogue) là hình thức giao tiếp xuất hiện khi có ít nhất hai người tham gia trao đổi, thảo luận với nhau về một chủ đề nào đó; người này nói, người kia nghe và phản hồi lại. Lối giao tiếp này khá thường xuyên, cơ bản và phổ biến trong ngôn ngữ (NN). Theo Yule (1996),

người nói không chỉ tạo ra phát ngôn chứa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, mà còn thực thi hành động qua những phát ngôn ấy. Ngoài diễn đạt nghĩa, hành vi lời nói (HVLN) còn thể hiện mối quan hệ giữa các bên, mà thái độ là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên ‘Khí’ (Tenor) của diễn ngôn. Bởi vậy, phân tích HVLN nhân vật, và đánh giá ‘Khí’ sẽ xác định được mức độ tương

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

đương của bản dịch với bản gốc, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch Việt - Anh các tác phẩm văn học hiện đại của Việt Nam. Từ trước tới nay, các bản dịch Anh - Việt đã được phân tích và đánh giá khá nhiều qua các nghiên cứu trong nước, tuy nhiên các nghiên cứu để đánh giá bản dịch Việt - Anh thì khá khiêm tốn do hạn chế số lượng bản dịch tiếng Việt sang tiếng Anh. Bởi vậy, nghiên cứu này được tiến hành với mong muốn lấp một phần khoảng trống nghiên cứu dịch thuật Việt - Anh trên bản dịch văn học hiện đại *'Ticket to childhood'* (*'Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ'*) - một tác phẩm của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã giành giải thưởng sách Châu Á năm 2010.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Ngữ pháp chức năng hệ thống và yếu tố 'Khí' của diễn ngôn

Với ngữ pháp chức năng hệ thống, Halliday (2004) đề cập tới ba siêu chức năng của NN là siêu chức năng ý niệm, siêu chức năng liên nhân, và siêu chức năng văn bản. Chức năng ý niệm cho phép người nói mã hóa ý nghĩa thông qua trường nghĩa trải nghiệm của bản thân, chức năng liên nhân thể hiện thái độ cá nhân, sự tương tác và mối quan hệ giữa các bên. Chức năng văn bản thể hiện cách tổ chức, liên kết diễn ngôn một cách tổng thể chặt chẽ qua các phương tiện liên kết. "*Khí*" là một trong ba thành tố của ngữ vực, hướng tới mối quan hệ giữa các bên, thể hiện chức năng liên nhân, và có thể nhìn thấy qua vị thế của người nói, mối quan hệ xã hội, thái độ, và cách thức tham gia vào hội thoại của họ. Do đặc điểm hội thoại trong nghiên cứu này là của các nhân vật nhí, nên tâm điểm phân tích sẽ tập trung

chủ yếu vào thái độ của các bên thể hiện qua các thể loại hành vi lời nói trong ngữ cảnh cụ thể. theo nghĩa thông thường, thái độ là cách con người bộc lộ suy nghĩ, tình cảm, quan điểm, cá tính, hay cách cư xử, phản ứng của họ đối với người khác và với hiện tượng, sự việc xung quanh. Thái độ, cách ứng xử của mỗi người trong mọi mối quan hệ là rất quan trọng. Theo lý thuyết đánh giá (Appraisal Theory) của Martin và White (2005), thái độ chia ra hai thái cực, là tích cực (+) và tiêu cực (-), nằm ở ba phạm trù là Tác động (Affect), Phán xét (Judgement) và Đánh giá (Appreciation).

2.2. Hành vi lời nói

Trong các đường hướng phân tích diễn ngôn, thì ngữ dụng học được coi là một đường hướng hữu hiệu bởi theo Yule (1996), ngữ dụng học nghiên cứu ý nghĩa của lời nói hơn là các từ, ngữ được nói ra trong các phát ngôn đó. Nói cách khác, ngữ dụng học nghiên cứu NN của giao tiếp, là ý nghĩa của diễn ngôn trong ngữ cảnh, bao hàm việc diễn giải điều mà người nói muốn nói trong hoàn cảnh cụ thể và hoàn cảnh đó tác động ra sao tới điều được nói ra. Cũng theo Yule (1996), HVLN là hành động được chuyển tải qua phát ngôn, và nó bao gồm ba thành tố là hành vi (HV) tạo lời, HV tại lời và HV mượn lời. HVLN có thể chia làm 5 loại dựa theo cách phân loại của Searle (1969), gồm HV *thông báo* (declarative); HV *đại diện* (representative); HV *cảm xúc* (expressive); HV *mệnh lệnh* (directive); và HV *cam kết* (commissive). Nghiên cứu này dựa trên sự phân loại của Searle (1969), kết hợp với nhánh Thái độ (Attitudinal Sources) từ Lý thuyết Đánh giá của Martin và White (2005) để phân tích yếu tố "*Khí*" trong hội thoại ở bản dịch Việt - Anh nói trên.

III. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích là hiểu được lời nói của nhân vật nhí và mức độ tương đương của “*Khi*” ở bản dịch, nghiên cứu này sử dụng kết hợp đường hướng định tính và định lượng, nhưng chủ yếu là định tính với phương pháp xác định, phân tích, so sánh và diễn giải. Các đoạn hội thoại tập trung ở Chương 2 ‘*Bố mẹ tuyệt vời*’ - là chương chứa nhiều đối thoại kịch tính, nhiều sắc thái biểu cảm, tác động tới cảm xúc người đọc. Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

(i) *Các nhân vật nhí trong bản gốc tiếng Việt ở Chương 2 “Bố mẹ tuyệt vời” sử dụng những hành vi lời nói nào trong hội thoại giữa chúng; và*

(ii) *Yếu tố “Khi” thể hiện thái độ nhân vật trong các hội thoại đó ở bản dịch tiếng Anh tương đương ra sao so với bản gốc tiếng Việt?*

Trước hết, câu thoại ở bản gốc tiếng Việt được lọc ra, gắn mã theo câu thoại (C - Conversation), theo chương 2 (C2 - Conversation in chapter 2) và các hành vi lời nói được xếp số theo thứ tự xuất hiện trong bản gốc (C2.1, C2.2, C2.3,...). Sau đó, chúng được phân loại theo 5 cách phân chia của Searles về hành vi lời nói ở trên. Câu thoại ở bản gốc (bên tay trái) và bản dịch (bên tay phải) được đặt song song vào bảng để đối chiếu, so sánh. Tiếp đến, yếu tố “*Khi*” thể hiện thái độ được phân tích và so sánh giữa bản gốc và bản dịch để xác định mức độ tương đương.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Hành vi lời nói trong bản gốc tiếng Việt

Chương 2 gồm có 57 câu thoại giữa 4 nhân vật nhí: Mùi, Hải, Tũn và Tí ở độ

tuổi lên 8, lên 9. Đây là chương mà các nhân vật nhí vào vai bố mẹ và con cái, đối thoại với nhau theo từng cặp bố mẹ - con cái, và chuyển vai cho nhau, tạo nên câu chuyện kịch tính và hài hước. Trong số các câu thoại này, gần một nửa (43,9%) là câu thoại thuộc HV mệnh lệnh (Directives), có 25 câu loại này, bao gồm các câu hỏi, nghi vấn, và câu yêu cầu, ra lệnh (Xem Bảng 1).

Bảng 1. Bảng thống kê hành vi lời nói trong bản gốc

Hành vi lời nói	Số lượng câu	Tỷ lệ
Hành vi mệnh lệnh (directive)	25	43,9%
Hành vi cảm xúc (expressive)	12	21,1%
Hành vi thông báo (declarative)	9	15,7%
Hành vi đại diện (representative)	7	12,3%
Hành vi cam kết (commissive)	4	7,0%
Tổng số câu thoại	57	100%

Một số thí dụ về hành vi lời nói mệnh lệnh (Directives) ở bản gốc có thể kể đến như, ‘*Học bài là lâu lằng?*’ (C2.7); ‘*Con đập nhau với tụi nó mà quần áo ... lành lặn, chẳng thối?*’ (C2.19); ‘*Đánh nhau ... không rách áo, trầy chân, bầm mặt ... gọi là đánh nhau ...?*’ (C2.21); ‘*Con học hành ... sao ... tập vở trắng tinh ...?*’ (C2.33); ‘*Mày giữ gìn tập vở sạch sẽ ... không sợ thầy cô bảo ba mẹ ... không biết dạy con...?*’ (C2.34); ‘*Mày nấu cơm xong chưa ... đứng đó nhe răng sún ... cười ...?*’ (C2.37); ‘*Đến giờ cơm ... ngồi vô ăn, ... kẻ không được giáo dục đến nơi đến chốn*’ (C2.40); ‘*Chứ kẻ có giáo dục ... đến giờ cơm họ làm gì ...?*’ (C2.42);

‘Mày là con vẹt hả ...? Bản cửu chương bảo gì ... nghe này ... sao? ... mày không có cái đầu à?’ (C2.52),... Trong số các câu thoại thuộc loại mệnh lệnh này, phần lớn là các câu hỏi, nghi vấn (20 câu), 4 câu ra lệnh và chỉ có duy nhất 1 câu mời mọc. Ngoài các câu hỏi thông thường để lấy thông tin cần hỏi, thì rất nhiều câu hỏi vặn vẹo theo kiểu hỏi xoáy, rất vô lý, phi lý như câu C2.5, C2.33, C2.34, C2.42, C2.48, C2.52,... thể hiện sự nổi loạn của trẻ con, mong muốn đi ngược lại với những trật tự vốn có của bố mẹ, của người lớn, muốn thử nghiệm sự khác biệt, sự ngược lại, sự đối lập, để xem có được người lớn chấp nhận hay không. Điều này phản ánh tâm lý của trẻ con, bắt chước giọng điệu của người lớn, của bố mẹ, vào trong trò chơi đóng vai này, như một nơi chúng hồn nhiên, tự do để trút hết, để xả hết những gì mà chúng mong muốn, nhưng không thể nói ra được với người lớn bởi những quy định khắt khe về con ngoan, trò giỏi, về người có giáo dục, về phép nhân chia, tính toán trong bảng cửu chương,...

Tiếp đến là các câu thoại chỉ HVLN cảm xúc, cam kết, tuyên bố, và đại diện. Trong số còn lại này, HV về cảm xúc chiếm nhiều nhất (12 lời thoại), thể hiện cảm xúc bức bối, cáu gắt, thất vọng, căng thẳng của ông bố, bà mẹ với con cái trong trò chơi đóng vai qua. Sự bức bối phi lý của bố mẹ với những điều hiển nhiên có lý, tạo cho người đọc cảm giác hài hước, thích thú. Điều vô lý của vai bố mẹ thể hiện qua các lời thoại chỉ HV đại diện, tin vào những điều ngược với quy tắc xã hội, như *‘Con ngoan là phải chạy*

nhảy, trèo cây, tắm sông, đánh lộn!’ (mã C2.8); ‘Họ đi chơi chứ làm gì. Họ đi bơi, họ chơi bi-da, họ câu cá, họ chơi rượt bắt hoặc đánh nhau, nói chung họ có thể làm bất cứ chuyện gì để người khác phải đợi cơm, trừ cái chuyện hết sức vô văn hóa là ngồi vô bàn ăn.’ (mã C2.43-C2.44); ‘Ba con nói đúng đó con. Chỉ có bọn hư hỏng mới ăn cơm đúng giờ thôi’ (mã C2.45); ‘Là mấy cũng được nhưng không phải là 8’ (mã C2.50); ‘Ừ. Vì cái tội dám bảo chỉ có đĩa đàn độn mới giữ gìn tập vở sạch sẽ.’ (mã C2.55)

Từ sự gắt gỏng vô lý của bố mẹ dẫn tới HV cam kết hành động ‘lệch chuẩn’, ‘tiêu cực’ của vai con cái qua lời thoại như *‘Vây con đi đánh lộn đây!’ (mã C2.9); ‘Lần sau con không dám giữ gìn tập vở kỹ lưỡng như vậy nữa.’ (mã C2.35); ‘Lần sau con sẽ không nghe theo bất kỳ ai nữa, dù đó là bản cửu chương hay thầy cô giáo. Con hứa với mẹ con sẽ tự suy nghĩ bằng cái đầu của con.’ (mã C2.53).* Tóm lại, trong hội thoại trò chơi đóng vai của các vai nhí ở bản gốc, HVLN mệnh lệnh chiếm nhiều nhất, thể hiện qua các câu hỏi, nghi vấn của vai bố mẹ, tiếp đến là HV diễn tả cảm xúc tiêu cực thể hiện sự bức tức vô lý của họ với con cái, dẫn tới hành vi cam kết hành động lệch lạc của vai con cái.

4.2. Mức độ tương đương về ‘Khí’ thể hiện trong bản dịch tiếng Anh

Trong số 57 câu thoại thì có hơn phân nửa (30 câu, tỷ lệ 52,6%) không đạt tương đương hoàn toàn về thái độ của nhân vật, có 25 câu (43,9%) tương đương, và chỉ có 02 câu (3,5%) là tương đương vượt trội (Xem Bảng 2).

Bảng 2. Mức độ tương đương về thái độ của bản dịch so với bản gốc

Mức độ tương đương	Số câu	Tỷ lệ
Tương đương vượt trội	2	3,5%
Tương đương hoàn toàn	25	43,9%
Không tương đương	30	52,6%
	57 câu	100%

Về tương đương vượt trội có câu thứ nhất là câu than vãn, trách mắng con của ông bố ‘Hải cò’ với con trai ‘cu Mùi’: “*Học với chẳng hành! Mày giữ gìn tập vở sạch sẽ như thế này mày không sợ thầy cô bảo ba mẹ mày không biết dạy con hả, thằng kia?*” (mã C2.34). Bản dịch không chỉ có vậy, mà tận 6 câu hỏi liên tiếp, dồn dập mắng mỏ con “*You worthless boy! Clean pages? No ink stains? No dog-eared corner? No smears of doodles? You keep your notebook in this condition? What does this tell your teacher about how we’re raised you?*”, yếu tố ‘Khí’ được đẩy lên cao hơn bản gốc. Trường hợp thứ hai là câu thể hiện thái độ giận giữ của bà mẹ ‘Tí sún’ với cậu con trai ‘Hải cò’ qua việc mẹ *phán xét* là con học vẹt, sách bảo sao nghe vậy và *đánh giá* con dốt nát “*- Mày là con vẹt hả con? Bản cửu chương bảo gì mày nghe nấy là sao? Thế mày không có cái đầu à?*” (mã C2.52). Trong khi đó bản dịch thể hiện được nhiều hơn thế “*“Are you a parrot, son? Do you just dumbly echo multiplication tables? Or maybe all kinds of tables? What is the dining room table telling you? How about the tea cart? Don’t you have a brain?”*”. Bản dịch phần thoại này đẩy sự giận dữ lên cao trào hơn bằng 7 câu hỏi dồn dập, liên tiếp nhau, chứ không chỉ có 3 câu như bản gốc. Đây cũng là hai câu thoại duy nhất trong bản dịch mà mức độ tương đương về ‘Khí’ đạt cao hơn bản gốc.

Các trường hợp bản dịch có “Khí” chưa đạt tương đương trọn vẹn bao gồm 2 trường hợp không dịch ‘*-Dạ, chưa hiểu.*’ (mã C2.41) và ‘*-Họ đi chơi chứ làm gì.*’ (C2.43) và 28 trường hợp thất thoát “Khí”. Một số thí dụ tiêu biểu ở bản dịch chưa đạt tương đương trọn vẹn có thể kể ra gồm: C2.13. *Tao ... tao chúa ghét mấy đứa con nít thông minh, ... ngoảng một cái ... thuộc vanh vách! Hừm, làm như hay lắm!* - “*I hate intelligent children who can memorize their lessons in the blink of an eye!*”; C2.23. *Dạ dạ ủa ủa cái gì! Con ... đùa hư hỏng! Con làm ba xấu hổ đến chết mất thôi!* - “*What do you mean, ‘well well, but...but?’*”; C2.35. *‘lần này con trót dại. Lần sau con không dám giữ gìn tập vở kỹ lưỡng - ‘Dad, I’m sorry for my mistakes,’ “I’ll never again show you a tidy notebook.”*; C2.40. *Đến giờ cơm ... ngồi vô ăn, chỉ ... kẻ không được giáo dục đến nơi đến chốn mới làm như vậy, hiểu chưa?* - “*Only fools gather at the table when it’s time to eat, do you understand?*”; C2.44. *‘họ ... làm bất cứ chuyện gì ... người khác phải đợi cơm, trừ cái chuyện hết sức vô văn hóa là ngồi vô bàn ăn - Generally speaking, they do everything possible to keep their family waiting.’*; C2.45. *Ba con ... đứng ... Chỉ có bọn hư hỏng mới ăn cơm đứng giờ thôi!* - “*Your father is right,*”; C2.53. *‘Lần sau ... không ... theo bất kỳ ai nữa, dù đó là bản cửu chương hay thầy cô giáo. Con*

hứa với mẹ con sẽ tự suy nghĩ bằng cái đầu của con. - “Next time, I won’t believe anything I read or hear at school.”

Có thể nhận thấy rõ rằng các trường hợp này bản gốc thể hiện thái độ rất phong phú của các vai, lúc căm ghét, giễu cợt, tức tối, mắng mỏ, xỉ vả, khinh thường, hạ thấp,... lúc ngạc nhiên, ăn năn, thừa nhận, hối lỗi, hứa hẹn,... Sắc thái “Khí” rất rõ ràng qua cách dùng từ khẩu ngữ, tiếng lóng, phủ định, tính từ láy, trạng từ chỉ mức độ cao, động từ mạnh như ‘*chứa ghét*’, ‘*hừm*’, ‘*đưa con nít*’, ‘*uýnh*’, ‘*thằng thớm*’, ‘*hết sức vô văn hóa*’, ‘*nhất định không*’, ‘*bọn hư hỏng*’, ‘*điên*’, ‘*xấu hổ đến chết*’, ‘*chém*’, ‘*khản cả cổ*’,... Tuy nhiên, bản dịch chưa lột tả được hết các cung bậc thái độ này, chỉ mới chuyển tải được yếu tố ‘Khí’ ở mức độ vừa phải, chưa tới cung bậc cảm xúc cao của nhân vật, phần nào thất thoát đi yếu tố kịch tính của câu chuyện, giảm tính hấp dẫn trong đối thoại của các nhân vật nhí.

V. Kết luận

Theo ngữ pháp chức năng hệ thống, ngôn ngữ chứa ba siêu chức năng, trong đó có siêu chức năng liên nhân, thể hiện mối quan hệ giữa các tham thể. Yếu tố “Khí” phản ánh rõ nét qua thái độ của các bên liên quan khi tham gia giao tiếp. Trong nghiên cứu này, các nhân vật nhí tham gia đóng vai bố mẹ - con cái và hội thoại với nhau. HVLN mệnh lệnh chiếm tỷ trọng cao nhất qua việc sử dụng các câu hỏi, nghi vấn ở bản gốc Tiếng Việt. Về tương đương ‘Khí’, bản dịch tiếng Anh chứa tỷ lệ cao về các câu thoại không tương đương về thái độ, hoặc do dịch chưa hết ý, hoặc do chưa đạt tới mức độ về cảm xúc của nhân vật. Có thể nhận thấy, hội thoại bản gốc thể hiện

thái độ rất phong phú của các vai, lúc căm ghét, giễu cợt, tức tối, mắng mỏ, xỉ vả, khinh thường, hạ thấp,... lúc ngạc nhiên, ăn năn, thừa nhận, hối lỗi, hứa hẹn,... Sắc thái “Khí” rất rõ ràng qua cách dùng từ khẩu ngữ, tiếng lóng, phủ định, tính từ láy, trạng từ chỉ mức độ cao, động từ mạnh Tuy nhiên, bản dịch chưa lột tả được hết các cung bậc thái độ này, chỉ mới chuyển tải được yếu tố ‘Khí’ ở mức độ vừa phải, chưa tới cung bậc cảm xúc cao của nhân vật, phần nào thất thoát đi yếu tố kịch tính của câu chuyện, giảm tính hấp dẫn trong đối thoại của các nhân vật nhí. Bởi vậy, người dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, cần lưu ý tới các hiện tượng ngôn ngữ này để chuyển tải sát nghĩa biểu cảm, tránh thất thoát ‘Khí’ của bản gốc tiếng Việt.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN 2025-02.15

Tài liệu tham khảo

- [1]. Halliday, M. A. K. (2004: 180). *An Introduction to Functional Grammar* (3rd ed.). Oxford University Press Inc.
- [2]. Hồ, N. T (2016). *Lectures on Discourse Analysis*. Vietnam Education Publisher.
- [3]. Martin, J. R. & White, R. R. (2005). *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. UK: Palgrave Macmillan.
- [4]. Naythons, W. (2019). *Ticket to Childhood*. Trẻ Publishing House.
- [5]. Nunan, D. (1993). *Introducing Discourse Analysis*. London: Penguin English.
- [6]. Nguyễn, Đ. S. (2023). *The translation of tenses and aspects from English into Vietnamese*. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Mở Hà nội.
- [7]. Nguyễn, N. A. (2014). *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*. Trẻ Publishing House.

- [8]. Nguyễn, T. H. H. (2021). A comparative study on collocating the word 'PRODUCT' in 'The 22 Immutable Laws in Marketing' and in its translation version. *Tạp chí Khoa học - ĐH Mở HN, Số 75, 50-57. ISSN 0866-8051.*
- [9]. Nguyễn, T. H. H. (2022). A comparative study on English - Vietnamese translation of Business Texts. *Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh. Trường ĐH Mở Hà Nội.*
- [10]. Nguyễn, T. H. H. (2023). Yếu tố văn hóa ẩn trong dịch tên riêng từ tiếng Việt sang tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Trường ĐH Mở Hà Nội, 2023: số 110 tháng 12/2023, chuyên mục Khoa học Nhân văn.* Doi: <https://doi.org/10.59266/houjs.2023.340>.
- [11]. Nguyễn, T. H. H. (2024). Nghiên cứu so sánh ngôn ngữ ở cấp độ câu trong bản dịch Việt -Anh truyện ngắn cho lứa tuổi Teen. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế 'Ngôn ngữ học Đối chiếu và Đối chiếu giữa các Ngôn ngữ' tr.255-263. NXB Thế Giới.*
- [12]. Searle, J. R. (1969). *Speech Acts: An Essay in the Philosophy of Language.* Cambridge Univesity Press.
- [13]. Trần, T. T. H. (2021). *Nghiên cứu tương đương dịch thuật các phát ngôn cầu khiến Anh-Việt (qua so sánh nguyên bản tác phẩm "Gone with the wind" và 2 bản dịch tiếng Việt).* Luận án Tiến sĩ. Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Hà nội.
- [14]. Trần, X. K. T. & Nguyễn, T. T. H. (2022). Nghiên cứu chiến lược dịch Anh-Việt khi dịch các từ văn hóa về âm thực trong hai tập truyện đầu tiên của Harry Potter. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống - số 6b (327)-2022 tr.86-92.*
- [15]. Yule, G. (1996). *Pragmatics.* Cambridge Univesity Press.

ANALYZING “TENOR” IN CONVERSATIONS AMONG CHILDREN IN A VIETNAMESE - ENGLISH TRANSLATION ‘TICKET TO CHILDHOOD’

Nguyen Thi Hong Ha²

Abstract: Halliday's (2004) systemic functional grammar states that in a language, 'Register' includes three components, namely 'Field', 'Tenor' and 'Mode'. The aim of this paper is to assess the translation equivalence of the 'Tenor', particularly the attitudes of child characters in the conversations in the Vietnamese - English translation of 'Ticket to childhood' through analyzing the participants' speech acts. The method applied for this study is to combine qualitative and quantitative approaches, comparing and contrasting to evaluate the equivalence of the English translation with the original Vietnamese. The findings reveal that in the original, the speech of imperative behavior accounts for the highest rate, followed by the emotional behavior. In terms of 'Tenor' in the translation, the proportion not gained full correspondence is quite high as they have not fully expressed the emotion range of the characters, somewhat losing the dramatic factor, reducing the attractiveness of the original dialogue. Thus, when translating from Vietnamese to English, it is crucial for the translator to pay more attention to the participants' attitude via the use of colloquial words, slang, negative words, strong verbs, reduplicated adjectives, and high-level adverbs.

Keywords: analyzing, children, conversations, 'Tenor', Vietnamese - English translation

² Hanoi Open University